

## KHẢO SÁT TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN VĂN ĐIỀU\*

### TÓM TẮT

*Bài báo trình bày kết quả khảo sát trí tuệ cảm xúc (TTCX) của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM). Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên phát triển khả năng TTCX mang tính xã hội cao hơn khả năng TTCX mang tính cá nhân. Điều này có thể do sinh viên được giáo dục và sống trong gia đình luôn coi trọng tính tập thể; hơn nữa, khi đến trường cũng được tiếp tục giáo dục như vậy; vì thế, kết quả nghiên cứu mang tính khá tích cực.*

**Từ khóa:** trí tuệ cảm xúc, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

### ABSTRACT

#### *Surveying emotional intelligence of students in Ho Chi Minh University of Education*

*The article is about surveying emotional intelligence on students at Ho Chi Minh City University of Education. The findings show that students' development of emotional intelligence is more social than individual. This reality can be because students are educated and grown up in families that highly regard collectivism; furthermore, this education continues at school. So the findings are rather positive.*

**Keywords:** emotional intelligence, students in Ho Chi Minh University of Education.

### 1. Dẫn nhập

Hiện nay có ba quan điểm về trí thông minh: trí thông minh truyền thống, trí thông minh đa dạng và trí thông minh cảm xúc (EQ). Trong giai đoạn hiện nay, việc giao tiếp hiệu quả với người khác trong cuộc sống, công việc và học tập trở thành yếu tố đóng góp vào sự thành công trong công việc, học tập và đời sống; do đó, TTCX (một phần của trí thông minh cảm xúc) được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm.

Theo Steve Mcshane và Mary Ann Von Glinow (2005), TTCX là khả năng của con người có thể nhận thức và phát biểu cảm xúc, đồng hóa cảm xúc trong tư

tưởng thông suốt, lí luận với cảm xúc và điều hợp cảm xúc cho bản thân và những người xung quanh.

#### *a. Nội dung của trí tuệ cảm xúc*

Trí tuệ cảm xúc gồm 4 nội dung sau đây:

- Khả năng nhận biết, đánh giá và thể hiện cảm xúc của bản thân: bao gồm việc cá nhân nhận thức được cảm xúc của bản thân và suy nghĩ về cảm xúc đó;
- Khả năng nhận biết và đánh giá cảm xúc của người khác: việc đánh giá và thể hiện cảm xúc đều liên quan đến sự thấu cảm;
- Khả năng điều chỉnh cảm xúc của bản thân và người khác: đề cập kinh nghiệm cảm xúc cá nhân và những xử sự để thay đổi, điều hòa cảm xúc;

\* PGS TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

- Sử dụng cảm xúc để định hướng hành động: Cảm xúc là động lực thúc đẩy hoặc kìm hãm hành động. Việc sử dụng cảm xúc để điều khiển hành vi là một trong những thành phần quan trọng trong TTCX.

Như thế, nói đến EQ chủ yếu là đề cập tính cách và tâm hồn của một nhân cách. Do vậy, EQ là sự đo lường mang tính giáo dục cao vì nó định hướng con người đi vào quỹ đạo phù hợp với các chuẩn mực của con người.

**b. Ứng dụng của trí tuệ cảm xúc**

- *Ứng dụng vào học tập:*

+ TTCX có ảnh hưởng rất lớn đến quá trình học tập, đặc biệt thể hiện ở thái độ học tập. Nếu thái độ học tập tiêu cực thì không thể hay khó có thể tiến bộ trong học tập.

+ Trẻ em phạm tội, bạo lực, gây hấn, hoặc vướng vào các tệ nạn xã hội một phần do xúc cảm tạo nên, do giáo dục gia đình về xúc cảm chưa tốt hoặc gia đình không hòa thuận dẫn đến trẻ bị sai lệch cảm xúc, không chế ngự được cảm xúc.

+ Các xúc cảm nếu không được giáo dục sớm thì ngày càng khó hình thành.

+ Có thể rèn luyện TTCX cho học sinh bằng nhiều cách từ khi còn nhỏ tuổi.

- *Ứng dụng vào trong công việc*

+ TTCX giúp con người tạo ra hiệu quả cao trong công việc, xử lý công việc một cách khéo léo và đạt chất lượng tối ưu.

+ Nhận biết cảm xúc, tạo ra cảm xúc, quản lý hay chế ngự được cảm xúc đó chính là những biểu hiện của người

giao tiếp hiệu quả với người khác.

+ Người có thái độ làm việc nghiêm túc, tận tụy, với công việc, luôn sống hòa hợp với người khác để thành công trong công việc và cuộc sống.

+ TTCX đóng vai trò trung tâm trong kĩ năng lãnh đạo, giúp người khác làm việc hiệu quả hơn.

**c. Mối quan hệ giữa trí tuệ cảm xúc và hoạt động khác trong học tập**

- *Sự phát triển TTCX làm cho kết quả học tập của người học trở nên tốt hơn.*

+ Biết lắng nghe và tập trung chú ý, chế ngự được những xung lực, cảm thấy có trách nhiệm về việc học tập của bản thân là những năng lực cần thiết để đạt được kết quả học tập cao.

+ TTCX giúp giáo viên thuận lợi hơn khi thực hiện nhiệm vụ.

- *Mối liên hệ giữa trí thông minh cảm xúc và giáo dục tính cách, giáo dục đạo đức của học sinh*

+ Nền tảng của tính cách là năng lực tự thúc đẩy và tự quản lí; tăng sự chế ngự bản thân, ý thức xã hội và năng lực quyết định trong và ngoài lớp học.

+ Nhà trường đóng vai trò hàng đầu trong sự hình thành tính cách bằng cách rèn luyện kỉ luật bản thân và sự đồng cảm cho học sinh.

**2. Phương pháp và thể thức nghiên cứu**

**2.1. Mẫu nghiên cứu**

Tổng số: 326 sinh viên

Giới tính: Nam: 142; Nữ: 184

Năm học: Năm 2: 47; Năm 4: 239

Khoa: Tâm lí – Giáo dục (TLGD): 47; Tiếng Anh: 63; Giáo dục Thể chất (GDTC): 41; Giáo dục Quốc phòng

(GDQP): 60; Giáo dục Chính trị (GDCT): 75; Toán: 87.

Số liệu trong bài viết này được thu thập từ các lớp mà chúng tôi tham gia giảng dạy trong năm học 2010 - 2011.

**2.2. Dụng cụ nghiên cứu**

Thang đo gồm 105 câu hỏi và tạo thành 15 yếu tố có liên quan đến khả năng TTCX. Mỗi câu có 5 mức trả lời. Để việc trình bày đơn giản hơn, trung bình điều hòa (TBDH) được sử dụng thay vì trung bình cộng trong việc xử lí số liệu.

**3. Kết quả**

*Bảng 1. Đánh giá chung của sinh viên về những khả năng TTCX*

<b>Khả năng TTCX</b>	<b>TBDH</b>	<b>ĐLTC</b>	<b>Thứ bậc</b>
Khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác	4,14	0,52	1
Khả năng đồng cảm	3,99	0,62	2
Khả năng tư duy linh hoạt	3,82	0,53	3
Khả năng độc lập	3,76	0,53	4
Khả năng kiểm soát xung đột	3,76	0,70	5
Năng lực tự đánh giá bản thân lạc quan	3,68	0,57	6
Khả năng quyết đoán	3,65	0,42	7
Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc	3,62	0,52	8
Khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội	3,49	0,68	9
Khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân	3,37	0,56	10
Khả năng tự khẳng định	3,35	0,56	11
Khả năng giữ tâm trạng lạc quan	3,34	0,62	12
Khả năng chịu đựng áp lực	3,26	0,64	13
Khả năng giải quyết vấn đề	3,21	0,67	14
Khả năng đánh giá đúng thực tiễn	3,09	0,55	15

Căn cứ theo mức độ khả năng được quy định theo thang điểm ở trên, khả năng sinh viên đạt được trong bảng 1 theo hai mức độ sau:

- **Khá:** khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác; khả năng đồng cảm; khả năng tư duy linh hoạt; khả năng độc lập; khả năng kiểm soát xung đột; khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan; khả năng quyết đoán và khả năng giữ tâm

Mức độ khả năng được quy định theo thang điểm:

- Cao hơn 4,50: Khả năng đạt mức độ tốt;
- Từ 4,49 – 3,50: Khả năng đạt mức độ khá;
- Từ 3,49 – 2,50: Khả năng đạt mức độ trung bình;
- Dưới 2,50: Khả năng đạt mức độ dưới trung bình.

**3.1. Kết quả chung của sinh viên về những khả năng trí tuệ cảm xúc (xem bảng 1)**

trạng vui vẻ, hạnh phúc.

Sinh viên đánh giá các khả năng nêu trên ở mức độ khá có thể do hoàn cảnh sống và môi trường học tập tạo nên. Trong môi trường gia đình, sinh viên thường có các mối quan hệ với các thành

viên một cách chừng mực và thương yêu. Từ đó, các khả năng như đồng cảm, kiểm soát xung đột phát triển tốt. Khi thi đậu đại học, các khả năng tư duy linh hoạt, độc lập, tự đánh giá bản thân lạc quan và quyết đoán phát triển để đáp ứng được yêu cầu của việc rèn luyện và học tập trong môi trường học thuật đòi hỏi. Nói cách khác, việc đánh giá của sinh viên về các khả năng TTCX là dựa trên cơ sở môi trường sống và học tập.

- **Trung bình:** khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội; khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân; khả năng tự khẳng định; khả năng giữ tâm trạng lạc quan; khả năng chịu đựng áp lực; khả năng giải quyết vấn đề và khả năng đánh giá đúng thực tiễn.

Các khả năng được sinh viên đánh

giá ở mức độ trung bình là những khả năng thuộc về cá nhân. Có thể những khả năng này được hình thành trong hoạt động học tập và môi trường sống của cá nhân đòi hỏi sự tự ý thức của sinh viên. Những khả năng này cần thiết để sinh viên có thể trưởng thành hơn qua học tập cũng như rèn luyện.

Cách tự đánh giá của sinh viên như trên cho thấy sự nghiêm túc khi trả lời bảng hỏi trong khảo sát.

**3.2. Kết quả so sánh giữa các tham số nghiên cứu về trí tuệ cảm xúc (xem từ bảng 2 đến bảng 7)**

Để so sánh giữa các tham số nghiên cứu về TTCX, chúng tôi dùng phương pháp so sánh theo thứ bậc của việc tự đánh giá và phương pháp phân tích so sánh theo các mẫu.

**Bảng 2.** Tự đánh giá thứ bậc các khả năng TTCX theo tham số giới tính

Khả năng TTCX	Thứ bậc	
	Nam	Nữ
Khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác	1	1
Khả năng đồng cảm	2	2
Khả năng tư duy linh hoạt	3	3
Khả năng độc lập	4	5
Khả năng kiểm soát xung đột	5	4
Khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan	6	7
Khả năng quyết đoán	7	8
Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc	8	6
Khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội	9	9
Khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân	10	11
Khả năng giữ tâm trạng lạc quan	11	12
Khả năng tự khẳng định	12	10
Khả năng chịu đựng áp lực	13	13
Khả năng đánh giá đúng thực tiễn	14	15
Khả năng giải quyết vấn đề	15	14

Bảng 2 cho thấy sự tự đánh giá những khả năng TTCX của sinh viên nam và nữ tương tự nhau ở những khả năng mang tính xã hội, còn những khả năng mang tính cá nhân có những đánh giá khác nhau.

**Bảng 3.** So sánh tự đánh giá khả năng TTCX theo tham số giới tính

Khả năng TTCX	Giới tính				F df=2	P
	Nam		Nữ			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội	3,47	0,49	3,51	0,54	0,37	0,54
Khả năng tự khẳng định	3,34	0,60	3,35	0,63	0,00	0,93
Khả năng giải quyết vấn đề	3,22	0,62	3,19	0,65	0,18	0,66
Khả năng giữ tâm trạng lạc quan	3,40	0,57	3,29	0,58	2,45	0,11
Khả năng đồng cảm	4,00	0,56	3,98	0,51	0,15	0,69
Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc	3,51	0,56	3,70	0,53	9,61	0,00
Khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác	4,12	0,44	4,14	0,39	0,07	0,78
Khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan	3,71	0,57	3,65	0,55	1,09	0,29
Khả năng đánh giá đúng thực tiễn	3,28	0,64	2,94	0,68	21,18	0,00
Khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân	3,44	0,58	3,30	0,72	3,62	0,05
Khả năng quyết đoán	3,71	0,58	3,61	0,55	2,51	0,11
Khả năng chịu đựng áp lực	3,31	0,60	3,21	0,63	2,02	0,15
Khả năng tư duy linh hoạt	3,88	0,56	3,77	0,50	3,67	0,05
Khả năng độc lập	3,82	0,52	3,71	0,51	3,22	0,07
Khả năng kiểm soát xung đột	3,77	0,76	3,74	0,65	0,14	0,70

Bảng 3 cho thấy có sự đánh giá khả năng trí tuệ theo giới tính sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở 4 khả năng: khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc; khả năng đánh giá đúng thực tiễn; khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân và khả năng tư duy linh hoạt. Trong 4 khả năng này thì có hai khả năng được nữ sinh viên tự đánh giá cao hơn nam sinh viên, đó là:

khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc và khả năng đánh giá đúng thực tiễn. Hai khả năng được nam sinh viên đánh giá cao hơn nữ sinh viên, là: khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân và khả năng tư duy linh hoạt. Các khả năng trí tuệ còn lại thì sự tự đánh giá giữa nam sinh viên và nữ sinh viên không có sự khác biệt ý nghĩa thống kê.

**Bảng 4.** Tự đánh giá thứ bậc các khả năng TTCX theo tham số năm học

Khả năng TTCX	Năm thứ	
	Hai	Tư
Khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác	1	1
Khả năng đồng cảm	2	2
Khả năng tư duy linh hoạt	3	4
Khả năng độc lập	4	5
Khả năng kiểm soát xung đột	5	3

Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc	6	8
Khả năng quyết đoán	7	7
Khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan	8	6
Khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân	9	12
Khả năng giữ tâm trạng lạc quan	10	11
Khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội	11	9
Khả năng tự khẳng định	12	10
Khả năng chịu đựng áp lực	13	13
Khả năng đánh giá đúng thực tiễn	14	15
Khả năng giải quyết vấn đề	15	14

Bảng 4 cho thấy tự đánh giá những khả năng TTCX của sinh viên năm thứ hai và sinh viên năm thứ tư tương tự nhau ở những khả năng mang tính xã hội, còn những khả năng mang tính cá nhân thì có sự đánh giá khác nhau.

**Bảng 5.** So sánh tự đánh giá khả năng TTCX theo tham số năm học

Khả năng TTCX	Năm học				F df=2	P
	Hai		Tư			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội	3,32	0,56	3,55	0,49	11,96	0,00
Khả năng tự khẳng định	3,29	0,66	3,36	0,61	0,88	0,34
Khả năng giải quyết vấn đề	3,08	0,60	3,25	0,64	4,35	0,03
Khả năng giữ tâm trạng lạc quan	3,33	0,58	3,34	0,57	0,00	0,94
Khả năng đồng cảm	3,93	0,55	4,01	0,52	1,21	0,27
Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc	3,57	0,59	3,63	0,53	0,90	0,34
Khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác	4,03	0,42	4,17	0,41	7,47	0,00
Khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan	3,50	0,51	3,74	0,56	11,77	0,00
Khả năng đánh giá đúng thực tiễn	3,13	0,72	3,07	0,67	0,40	0,52
Khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân	3,45	0,64	3,33	0,68	2,14	0,14
Khả năng quyết đoán	3,56	0,51	3,68	0,58	2,70	0,10
Khả năng chịu đựng áp lực	3,19	0,59	3,28	0,63	1,16	0,28
Khả năng tư duy linh hoạt	3,86	0,48	3,80	0,54	1,00	0,31
Khả năng độc lập	3,67	0,51	3,79	0,52	3,56	0,06
Khả năng kiểm soát xung đột	3,61	0,79	3,81	0,66	5,48	0,02

Bảng 5 cho thấy việc tự đánh giá khả năng trí tuệ theo năm học có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở 4 khả năng: khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội; khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác; khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan và khả năng kiểm soát xung

đột. Trong tất cả 4 khả năng này được sinh viên năm thứ tư tự đánh giá cao hơn. Các khả năng trí tuệ còn lại thì sự tự đánh giá giữa sinh viên năm hai và sinh viên năm tư không có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê.

**Bảng 6.** Tự đánh giá thứ bậc các khả năng TTCX theo tham số ngành

Khả năng TTCX	Thứ bậc khoa				
	Tiếng Anh	GDTC	GDQP	GDCT	Toán
Khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác	1	1	1	1	1
Khả năng đồng cảm	2	2	3	2	2
Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc	3	8	8	7	6
Khả năng tư duy linh hoạt	4	6	6	3	3
Khả năng độc lập	5	5	4	4	4
Khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội	6	10	9	9	11
Khả năng kiểm soát xung đột	7	3	2	8	5
Khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan	8	4	7	5	8
Khả năng tự khẳng định	9	12	10	10	12
Khả năng quyết đoán	10	7	5	6	7
Khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân	11	9	13	14	9
Khả năng giữ tâm trạng lạc quan	12	14	11	11	10
Khả năng chịu đựng áp lực	13	11	14	12	13
Khả năng giải quyết vấn đề	14	13	12	13	15
Khả năng đánh giá đúng thực tiễn	15	15	15	15	14

Bảng 6 cho thấy việc tự đánh giá những khả năng TTCX của sinh viên thuộc các ngành học cũng tương tự ở những khả năng mang tính xã hội, còn những khả năng mang tính cá nhân có những đánh giá khác nhau.

**Bảng 7.** So sánh tự đánh giá khả năng TTCX theo tham số ngành học

Khả năng TTCX	Khoa										F df=4	P
	Tiếng Anh		GDTC		GDQP		GDCT		Toán			
	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC	TB	ĐLTC		
Khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội	3,70	0,46	3,55	0,57	3,50	0,39	3,45	0,50	3,32	0,56	5,20	0,00
Khả năng tự khẳng định	3,39	0,67	3,43	0,60	3,36	0,64	3,30	0,53	3,29	0,66	0,52	0,71
Khả năng giải quyết vấn đề	3,11	0,74	3,40	0,73	3,31	0,55	3,25	0,56	3,08	0,60	2,50	0,04
Khả năng giữ tâm trạng lạc	3,36	0,61	3,37	0,58	3,36	0,60	3,28	0,52	3,33	0,58	0,23	0,91

quan												
Khả năng đồng cảm	3,93	0,51	4,19	0,45	4,04	0,50	3,94	0,57	3,93	0,55	2,16	0,07
Khả năng giữ tâm trạng vui vẻ, hạnh phúc	3,74	0,63	3,62	0,56	3,54	0,43	3,62	0,50	3,57	0,59	1,23	0,29
Khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác	4,07	0,43	4,31	0,40	4,22	0,39	4,14	0,38	4,03	0,42	4,23	0,00
Khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan	3,55	0,64	3,97	0,40	3,88	0,50	3,67	0,55	3,50	0,51	8,20	0,00
Khả năng đánh giá đúng thực tiễn	2,95	0,73	3,28	0,60	3,23	0,61	2,95	0,66	3,13	0,72	2,96	0,02
Khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân	3,36	0,78	3,57	0,60	3,28	0,54	3,20	0,70	3,45	0,64	2,66	0,03
Khả năng quyết đoán	3,39	0,64	3,89	0,52	3,90	0,46	3,66	0,52	3,56	0,51	9,26	0,00
Khả năng chịu đựng áp lực	3,20	0,75	3,48	0,60	3,26	0,58	3,25	0,54	3,19	0,59	1,58	0,17
Khả năng tự duy linh hoạt	3,71	0,60	3,90	0,65	3,89	0,43	3,75	0,50	3,86	0,48	1,67	0,15
Khả năng độc lập	3,70	0,60	3,95	0,48	3,90	0,41	3,70	0,51	3,67	0,51	3,59	0,00
Khả năng kiểm soát xung đột	3,69	0,66	4,05	0,57	4,06	0,53	3,60	0,70	3,61	0,79	6,75	0,00

Bảng 7 cho thấy sinh viên tự đánh giá khả năng TTCX theo ngành học có sự khác biệt ý nghĩa thống kê ở 8 khả năng: khả năng thực hiện các trách nhiệm xã hội; khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác; khả năng tự đánh giá bản

thân lạc quan; khả năng đánh giá đúng thực tiễn; khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân; khả năng quyết đoán; khả năng độc lập và khả năng kiểm soát xung đột. Cụ thể như sau:

- Khả năng thực hiện các trách nhiệm

xã hội được sinh viên ngành tiếng Anh đánh giá cao nhất, tiếp theo là sinh viên các ngành GDTC, GDQP, GDCT và cuối cùng là sinh viên ngành Toán.

- Khả năng xây dựng mối quan hệ với người khác và khả năng tự đánh giá bản thân lạc quan được sinh viên ngành GDTC đánh giá cao nhất, rồi đến sinh viên các ngành GDQP, GDCT, Tiếng Anh và cuối cùng là sinh viên ngành Toán.

- Khả năng đánh giá đúng thực tiễn được sinh viên ngành GDTC đánh giá cao nhất, sinh viên các ngành GDQP, Toán, GDCT và sinh viên ngành tiếng Anh cùng đánh giá ở thứ bậc 4.

- Khả năng tự nhận biết xúc cảm bản thân được sinh viên ngành GDTC đánh giá cao nhất, rồi đến sinh viên các ngành Toán, tiếng Anh, GDQP và cuối cùng là sinh viên ngành GDCT.

- Khả năng quyết đoán được sinh viên ngành GDQP đánh giá cao nhất, tiếp theo là sinh viên các ngành GDTC, GDCT, Toán và cuối cùng là sinh viên ngành tiếng Anh.

- Khả năng độc lập được sinh viên ngành GDQP đánh giá cao nhất, tiếp theo là sinh viên các ngành GDTC, GDCT, tiếng Anh và cuối cùng là sinh viên ngành Toán.

- Khả năng kiểm soát xung đột được sinh viên ngành GDQP đánh giá cao nhất, sau đó là sinh viên các ngành GDTC, GDCT, tiếng Anh và cuối cùng là sinh viên ngành Toán.

#### 4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

Khả năng TTCX của sinh viên có thể có cơ sở ban đầu là do sự giáo dục, nuôi dưỡng từ gia đình và dần được phát triển trong môi trường học tập ở đại học.

Khả năng TTCX mang tính xã hội của sinh viên phát triển tốt hơn do khi sống ở gia đình, sinh viên được giáo dục coi trọng cái chung, như: gia đình, dòng họ, làng xã; khi vào trường thì sinh viên lại tiếp tục được giáo dục về tinh thần tập thể, xã hội, Tổ quốc.

Khả năng TTCX của sinh viên có sự khác biệt thống kê ở một số khả năng theo các thông số giới tính và lớp. Tuy nhiên, sự khác biệt thống kê thể hiện ở nhiều khả năng theo thông số ngành học. Như thế, có thể nói rằng do điều kiện học tập và giao tiếp khác nhau ở các ngành học tạo điều kiện cho TTCX của sinh viên phát triển ở mức độ khác nhau.

#### 5. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số ý kiến như sau:

- Cần tạo điều kiện để những khả năng TTCX của sinh viên đã hình thành và phát triển ở gia đình được phát huy hơn nữa trong môi trường học tập ở đại học.

- Nhà trường cần có những hoạt động để sinh viên có thể phát triển khả năng TTCX của mình, từ đó dẫn đến những việc làm tích cực như tương trợ lẫn nhau, làm việc hiệu quả theo nhóm trong học tập, cũng như hình thành những kỹ năng cần thiết cho công việc và cuộc sống sau khi ra trường.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Daniel Goleman (2007), *Trí tuệ xúc cảm ứng dụng trong công việc*, Nxb Tri thức.
2. Antonakis, J., Dietz, J. (2010), Emotional intelligence: On definitions, neuroscience, and marshmallows, [Comment/Reply], *Industrial and Organizational Psychology: Perspectives on Science and Practice*, 3(2), 165-170.
3. Bar-On, R., Parker, J. D. A. (Eds.) (2000), *The Handbook of Emotional Intelligence: Theory, Development, Assessment, and Application at Home, School and in the Workplace*, San Francisco: Jossey-Bass/Wiley.
4. Caruso, D. R., Salovey, P. (2004), *The Emotionally Intelligent Manager: How to Develop and Use the Four Key Emotional Skills of Leadership*, Jossey-Bass.
5. Cherniss, C., Goleman, D. (2001), *The Emotionally Intelligent Workplace: How to Select For, Measure, and Improve Emotional Intelligence in Individuals, Groups, and Organizations*. San Francisco: Jossey-Bass.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 14-8-2012; ngày phản biện đánh giá: 24-9-2012;  
ngày chấp nhận đăng: 28-10-2013)